

VAI TRÒ CỦA TRI THỨC NỀN VỚI NGƯỜI GIÁO VIÊN MỚI

ĐỖ NGỌC THỐNG

**Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: thongdongoc@yahoo.com**

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến vai trò của tri thức nền đối với người giáo viên mới. Theo tác giả bài viết, để dạy học có chất lượng và hiệu quả, trong mỗi môn học người giáo viên cần được chuẩn bị thật tốt không chỉ tri thức chuyên sâu mà còn cả những tri thức nền - những tri thức được coi là chung nhất, cơ bản và nền tảng đối với mỗi con người. Tri thức nền được hiểu là những kiến thức (knowledge), hiểu biết (understanding) chung, tổng quát, cơ bản và thiết yếu về mọi phương diện trong đời sống mà một con người cần có để tồn tại, sống và làm việc bình thường. Tri thức nền được coi là phòng nền văn hóa, tạo cơ sở cho nhận thức và hành động, chi phối cách suy nghĩ, cách sống, cách ứng xử hàng ngày của mỗi con người. Nếu người giáo viên không được trang bị tri thức nền thì sẽ rất hạn chế trong việc tiếp cận và hoạt động ở những lĩnh vực chuyên ngành.

Từ khóa: Tri thức nền; tri thức chuyên sâu; giáo viên.

(Nhận bài ngày 12/9/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 17/10/2016; Duyệt đăng ngày 27/12/2016).

1. Đặt vấn đề

Để dạy học có chất lượng và hiệu quả, trong mỗi môn học người giáo viên (GV) cần được chuẩn bị thật tốt không chỉ tri thức chuyên sâu mà còn cả những tri thức nền - những tri thức được coi là chung nhất, cơ bản và nền tảng đối với mỗi con người. Hơn nữa, dạy học tích hợp lại là một yêu cầu quan trọng của việc đổi mới chương trình (CT) giáo dục (GD) phổ thông. Ở đó, người GV không chỉ biết huy động tri thức tổng hợp của một môn học mà còn ở nhiều môn học khác; không chỉ tri thức trong nhà trường mà còn những tri thức từ đời sống - xã hội; không chỉ tích hợp nội dung dạy học mà còn biết tích hợp cả trong phương pháp và hình thức GD... Tình trạng GV thiếu hụt các tri thức nền đã và đang là cản trở lớn đối với chất lượng và hiệu quả dạy học, nhất là dạy học theo yêu cầu tích hợp.

2. Tri thức nền và tri thức chuyên sâu

Có nhiều cách gọi khác nhau, ở đây **tri thức nền** được hiểu là những kiến thức (knowledge) và những hiểu biết (understanding) chung, tổng quát, cơ bản và thiết yếu về mọi phương diện trong đời sống mà một con người cần có để tồn tại, sống và làm việc bình thường. Có thể gọi đó là những tri thức phổ thông, tối thiểu (literacy) về các đối tượng mà con người phải tiếp xúc, đối mặt, quan hệ, sử dụng, thưởng thức, khám phá và sáng tạo. Theo quan niệm này, để sống bình thường, mỗi con người cần được trang bị và tự trang bị (tự học) rất nhiều tri thức nền về nhiều phương diện: nghệ thuật (văn học, âm nhạc, hội họa, kiến trúc, điện ảnh, vũ đạo, sân khấu...); toán và khoa học tự nhiên; khoa học xã hội, kinh tế-chính trị, đạo đức - pháp luật; giới tự nhiên, tri thức xã hội, kinh nghiệm và kĩ năng sống...

Tri thức nền dùng để phân biệt với *tri thức chuyên sâu*. Tri thức chuyên sâu ở đây được hiểu là những kiến thức và hiểu biết đặc thù về một đối tượng cụ thể; hoặc

trong một một lĩnh vực hẹp, ít người biết, chuyên biệt, không phổ quát... Có thể nói, phần lớn tri thức của các môn học trong nhà trường phổ thông, nhất là cấp Tiểu học và Trung học cơ sở (THCS) (giai đoạn GD cơ bản) là những tri thức cơ bản, phổ thông, nền tảng (tri thức nền). Ở cấp Trung học phổ thông (THPT), một số tri thức chuyên sâu bắt đầu được cung cấp theo yêu cầu phân hóa đối tượng, phục vụ hướng nghiệp, phân luồng. Đến bậc đại học, cao đẳng, mới thực sự đi vào trang bị tri thức chuyên sâu. Tuy nhiên, bên cạnh những tri thức chuyên sâu, ở bậc học cao này vẫn phải tiếp tục trang bị những tri thức nền về một số lĩnh vực cơ bản như ngôn ngữ và văn học; văn hóa và nghệ thuật; lịch sử và triết học; chính trị và kinh tế; con người và xã hội; tự nhiên và công nghệ; cuộc sống và môi trường... Mỗi một môn học hay lĩnh vực đều gồm tri thức nền và tri thức chuyên sâu; đều góp phần tạo nên hai loại tri thức ấy. Như thế, tri thức nền và tri thức chuyên sâu có nhiều mức độ khác nhau, có mối quan hệ với nhau.

Với tốc độ phát triển nhanh chóng và không hề ngưng nghỉ của xã hội hiện đại, đặc biệt là khoa học, kĩ thuật, công nghệ, khối lượng tri thức tối thiểu cần biết tăng lên không ngừng. Khái niệm literacy khi mới xuất hiện chỉ là để nói tới yêu cầu "biết đọc, biết viết" nay được mở rộng ra nhiều lĩnh vực khác nhau: music literacy; computer literacy, economic literacy, history literacy, ICT literacy, math literacy, science literacy, earth literacy... Chưa bao giờ để đáp ứng những yêu cầu của cuộc sống và hội nhập được với xã hội hiện đại, người ta phải gắng sức, vươn lên đến như thế, cho dù đó mới chỉ là đáp ứng những yêu cầu tối thiểu. Đó chính là cơ sở của chủ trương "học suốt đời".

Từ xưa đến nay, người GV được coi là những trí thức trong xã hội, những người có hiểu biết sâu rộng. Khi đã là thầy thì phải biết mười mới dạy một. Đối tượng người



học ngày nay lại có ưu thế hơn hẳn, họ xuất phát từ một mặt bằng văn hóa - nghệ thuật- khoa học- kĩ thuật rất cao; hơn hẳn các thế hệ cha anh đi trước, kể cả những người đang làm thầy của họ. Họ có thể biết rất nhiều những điều mà thầy của họ không biết, chưa biết...

Tóm lại, yêu cầu của cuộc sống đòi hỏi của nghề nghiệp và đối tượng người học trong xã hội hiện đại buộc người GV phải biết rất rộng, rất nhiều; phải có tri thức nền lẫn tri thức chuyên sâu mới có thể đáp ứng được những yêu cầu mới.

3. Thực trạng và yêu cầu mới

3.1. Vài nét khái quát về thực trạng

Trong suốt một thời gian dài từ những năm bảy, tám mươi của thế kỉ trước, do nhiều nguyên nhân khác nhau, người GV Việt Nam chưa được trang bị hai loại tri thức này một cách đầy đủ, đúng nghĩa. Đất nước trong hoàn cảnh chiến tranh, kinh tế kém phát triển, điều kiện dạy học thiếu thốn, CT và sách giáo khoa (SGK) có nhiều bất cập, lạc hậu; ngành Sư phạm không phải là ngành học hấp dẫn. Vấn đề câu ngạn ngữ gợi lại một thời xưa cũ mà cho đến nay vẫn đúng: “Chuột chạy cùng sào mới vào sư phạm”...

Tất cả dẫn đến chất lượng đào tạo chưa chuẩn cả về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá. Hầu hết các thế hệ GV thế kỉ trước đều “mù” về nhiều lĩnh vực: âm nhạc, hội họa, kiến trúc, điêu khắc... Rất ít GV nghe, xem và hiểu được nhạc giao hưởng, vũ điệu ba-lê... Hoạt động học chủ yếu chỉ diễn ra trong 04 bức tường và 02 trang SGK; mục đích chủ yếu là nhớ và thuộc cho được những nội dung mà thầy cô đã giảng. Không những thế, tình trạng học lệch, học tủ do chạy theo các kì thi cuối cấp, nhất là thi vào đại học, cao đẳng đã làm hàng loạt HS, trong đó có nhiều người trở thành GV sau này, thiếu rất nhiều những tri thức phổ thông cơ bản. GV dạy toán thường thiếu tri thức của khoa học xã hội và ngược lại đa số GV dạy văn và các môn xã hội thì thiếu tri thức cơ bản, nền tảng về toán và khoa học tự nhiên... Ngay trong một bộ môn, cũng không ít hiện tượng học lệch, chẳng hạn nhiều sinh viên khoa Ngữ văn ít chú ý môn ngôn ngữ học đại cương hoặc Việt ngữ học; môn Hán nôm chỉ học cho có hoặc có người lại không chú ý lí luận văn học... Nhưng thử hỏi muốn dạy tốt Ngữ văn (từ đọc hiểu cho đến tạo lập văn bản) làm sao có thể chỉ biết mỗi văn học Việt Nam? Để hiểu tác phẩm văn học và nhất là muốn hướng dẫn cho người khác cách đọc hiểu tác phẩm ấy, người GV phải biết rất nhiều tri thức liên quan trước hết là ngôn ngữ, lí luận văn học, lịch sử văn học... và còn phải huy động hiểu biết từ các bộ môn khác như lịch sử, địa lí, dân tộc học, nghệ thuật... và cả những tri thức đời sống ngoài văn học nữa.

Ngoài ra, những hạn chế của GD nhà trường mà lâu nay bị phê phán như chưa chú ý phát triển toàn diện cho người học cả thể chất lẫn tinh thần, cả lí thuyết lẫn thực hành; chưa gắn nhà trường với xã hội... cũng là một nguyên nhân dẫn đến thiếu hụt về tri thức nền. Đó là tình trạng chung của việc học trong nhà trường phổ

thông một thời. Khi đã vào các trường sư phạm, cũng do nhiều nguyên nhân mà chất lượng đào tạo GV chưa chuẩn, chưa tiếp tục cung cấp, trang bị cho sinh viên có một tri thức nền đầy đủ, tương ứng với trình độ của bậc học này. Chỉ nêu một nhận xét, hầu hết các sinh viên sư phạm nhất là những sinh viên đào tạo theo môn học (dạy môn học độc lập) đều chỉ tập trung chú ý tri thức của môn khoa học mà sau này mình phải dạy. Những tri thức chung về khoa học GD, tâm lí học, GD học, triết học, phương pháp dạy học... nhìn chung bị coi nhẹ, học cho xong, cho có... Sinh viên không thấy rõ vai trò và ý nghĩa cũng như tác dụng của chúng trong quá trình học để trở thành người GV. Mặt khác, bản thân CT đào tạo cũng chưa yêu cầu cao về loại tri thức nền, chưa có các nội dung đầy đủ và toàn diện về những lĩnh vực cần phải trang bị như là tri thức nền.

Kết quả là chất lượng GV đã và đang có nhiều hạn chế. Một trong những hạn chế ấy là sự thiếu hụt tri thức nền. Thiếu hụt này dẫn đến nhiều hệ lụy, hạn chế chất lượng và hiệu quả không chỉ với CT hiện hành và đặc biệt đối chiếu với những yêu cầu đổi mới, trong đó trọng tâm là yêu cầu dạy học tích hợp.

Không phải ngẫu nhiên mà CT đào tạo bậc đại học - cao đẳng (2014) của Đại học quốc gia Seoul (Hàn Quốc)¹, yêu cầu tất cả các trường đại học, cao đẳng như: Nhân văn, Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội, Điều dưỡng, Quản trị kinh doanh, Kĩ thuật - công nghệ, Nông nghiệp và Khoa học sự sống, Nghệ thuật, GD, Sinh thái học nhân văn (College of human ecology), Thú y; Âm nhạc, Y khoa; Nghiên cứu khoa học nhân văn (College of liberal studies), Nha khoa,... đều phải dạy từ 36-45 tín chỉ về GD đại cương (general education- GE), trong đó bắt buộc có một số tín chỉ thuộc các lĩnh vực tri thức đời sống-xã hội (worlds of knowledge) gồm: 1/ Ngôn ngữ và văn học; 2/ Văn hóa và nghệ thuật; 3/ Lịch sử và triết học; 4/ Chính trị và kinh tế; 5/ Con người và xã hội; 6/ Tự nhiên và công nghệ; 7/ Cuộc sống và môi trường.

Theo đó, một sinh viên muốn tốt nghiệp bất kì ngành nào cũng phải có những hiểu biết chung ở các lĩnh vực nêu trên. Ví dụ, với trường Khoa học Tự nhiên phải có ít nhất 12 tín chỉ về 4-5 lĩnh vực *Ngôn ngữ và văn học; Văn hóa và nghệ thuật; Lịch sử và triết học; Chính trị và kinh tế; Con người và xã hội*; hoặc sinh viên trường kĩ thuật (khoa cơ khí và hàng không) phải có ít nhất 6 tín chỉ chọn trong 2-5 lĩnh vực vừa nêu. Đó thực chất là các yêu cầu về tri thức nền.

3.2. Nhận thức và yêu cầu mới

Trước hết, cần nhận thức rõ một số yêu cầu và định hướng quan trọng của CTGD phổ thông mới lên quan đến việc trang bị tri thức nền cho GV.

Đó là việc tăng cường sự gắn kết các nội dung kiến thức hàn lâm của các môn học với yêu cầu của thực tế đời sống, luôn liên hệ với các tình huống của cuộc sống.

1. *The Seoul National University Curriculum* (2014) - Explan of Curriculum.

Cần cho người học thấy các nội dung học tập gắn gũi và liên quan mật thiết với thế giới, công việc, các hiện tượng tự nhiên và xã hội; làm cho họ có nhu cầu và hứng thú vận dụng tổng hợp các kiến thức vào giải thích và cải tạo chất lượng công việc cũng như môi trường sống xung quanh. Đây thực chất là cách tiếp cận nghiên cứu đa môn dựa trên các hiện tượng (Phenomena-based multi-disciplinary studies), một mục tiêu chủ chốt mà CTGD nhiều nước đã và đang thực hiện. Chủ tịch Ủy ban Phát triển CTGD Phần Lan, GS. Irmeli Halinen khẳng định: “Muốn phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề hãy liên hệ giữa các tri thức nhà trường với các vấn đề trong thực tế cuộc sống và khuyến khích HS cộng tác tìm kiếm giải pháp. Muốn tăng cường sự hiểu biết hãy kết hợp kiến thức, kỹ năng từ nhiều môn học khác nhau.”²

CT GD phổ thông mới yêu cầu tích hợp mạnh mẽ (nhất là với cấp Tiểu học và THCS) trong CT và SGK theo 2 hướng: Tích hợp các nội dung trong môn học và các nội dung liên môn, xuyên môn nhằm tránh chồng chéo về nội dung và góp phần củng cố lẫn nhau trong quá trình dạy học.

Phản ánh được các nội dung học tập xuyên CT. Đó là các vấn đề của tự nhiên và xã hội đang phát sinh hàng ngày, ảnh hưởng tới nhiều người, nhiều quốc gia (tính toàn cầu) như chiến tranh và hòa bình, ô nhiễm môi trường; chống phân biệt giới tính, phòng chống các tệ nạn xã hội...

Cần tích hợp một cách nhuần nhuyễn, tự nhiên, có sức thuyết phục; tránh tích hợp một cách máy móc, khô cứng, áp đặt; tạo điều kiện tốt cho việc đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức dạy học và thuận lợi cho kiểm tra, đánh giá.

Với định hướng và yêu cầu nêu trên, không nên cho rằng chỉ có các môn học tích hợp GV mới phải dạy học tích hợp, từ đó các nhà trường sư phạm mới phải bồi dưỡng và đào tạo GV tích hợp. Với yêu cầu mới, GV bộ môn nào cũng phải thực hiện dạy học tích hợp; chỉ có điều theo những mức độ và hình thức khác nhau mà thôi. Xu thế phát triển CTGD hiện đại ngày càng coi trọng GD theo lĩnh vực (area) vì các môn học, nhất là các môn học (subjects) trong cùng một lĩnh vực có quan hệ rất mật thiết với nhau.

Mở đầu cuốn *Khoa học xã hội và nhân văn*³ dành cho lớp 8, các tác giả SGK Australia viết: “Trong thế giới của chúng ta, sự phân chia đơn giản các tri thức luôn luôn là một mối nguy hiểm, cũng như chúng ta nhìn nhận các môn học một cách hoàn toàn tách rời, không có nối kết. Các môn học luôn có sức mạnh tổng hợp và nối kết một cách logic, rõ ràng. Ví dụ, khi tìm hiểu về lịch sử chúng ta phải nghĩ đến địa lí và khi suy nghĩ về các hiện tượng và vị trí địa lí chúng ta cần dựa vào các khái niệm sự thay đổi theo thời gian.”

Nhà địa lí Hoa Kỳ Donal Meinig viết: “Lịch sử và địa lí là hai môn học bổ sung và hỗ trợ cho nhau, ràng buộc với nhau nhờ có chung bản chất của sự vật. Mối quan hệ này hàm chứa trong các thuật ngữ chung như *không gian và thời gian* (space and times), *vùng miền và thời đại* (area and era), *địa điểm và sự kiện* (place and event)... những khái niệm cặp đôi này là không thể tách rời. Trong thực tế phân biệt hai lĩnh vực nhờ vào việc nhấn mạnh tương xứng vào mỗi lĩnh vực trong thuật ngữ này” (Donal Meinig - 1987).

Các tác giả SGK Úc cũng đã dẫn ra ví dụ tiêu biểu về mối quan hệ tương tác giữa lịch sử và địa lí khi xem xét sự ra đời và sụp đổ của đế quốc La Mã. Một số lập luận cho rằng sự ra đời của đế quốc La Mã gắn với sự phát triển thuận lợi của địa phương về sản phẩm nông nghiệp, du lịch và mở rộng thương mại; còn sự sụp đổ của đế chế La Mã xuất phát từ nguyên nhân hạn hán làm đất đai khô cằn và giảm sản lượng nông nghiệp. Kết quả là những lỗ hổng về an ninh lương thực đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới tình hình chính trị và trở thành một lí do của sự sụp đổ. Nói rộng hơn về sự nối kết giữa địa lí và lịch sử, chúng ta có thể tìm hiểu lịch sử Úc thông qua việc thừa nhận sự tác động của Địa lí về sự cư trú, chính trị, đặc điểm dân tộc, quân sự và nhiều vấn đề khác như thế nào?

Có thể nói, theo yêu cầu mới, người GV cần chuyển đổi từ tư duy môn học độc lập sang tư duy lĩnh vực; chuyển nhận thức coi *môn học* là một thành trì kiên cố, riêng biệt, hệ thống và chuyên sâu sang quan niệm GD *lĩnh vực* với những tri thức phổ thông, cơ bản; thấy mối quan hệ và sự tác động qua lại giữa các môn học trong và ngoài lĩnh vực. Theo tinh thần này, yêu cầu GD của một lĩnh vực sẽ được thực hiện bởi rất nhiều môn.

Nội dung và yêu cầu GD lịch sử không chỉ mình môn Lịch sử gánh vác mà còn có các môn khác như Ngữ văn, Âm nhạc, Mĩ thuật, GD lối sống, GD công dân... cùng chia sẻ. Cũng như vậy, tất cả các bài hát đưa vào CT môn Âm nhạc đều gắn với một giai đoạn lịch sử, đều góp phần làm sống dậy những sự kiện và các nhân vật lịch sử, đều góp phần GD lịch sử.

Những GV môn Toán cũng như các môn Khoa học tự nhiên sẽ không bị biến thành thợ dạy, suốt ngày chỉ đánh vật với các công thức, con số, định lí, định luật... nặng nề, khô khan nếu người GV đó có một phong phú tri thức nền đa dạng, phong phú. Các tri thức nền sẽ giúp người GV của bất kì môn học nào thực hiện giờ dạy một cách linh hoạt, hấp dẫn với việc tích hợp lồng ghép, dẫn dắt từ nhiều hiểu biết khác nhau. Cũng nhờ đó người GV mới đáp ứng được yêu cầu lí tưởng: dạy học vừa là một khoa học, vừa là một nghệ thuật; GV không chỉ là nhà khoa học, nhà sư phạm mà còn là nhà GD, là người nghệ sĩ, là “kĩ sư tâm hồn” như nhà GD - sư phạm Nga Xukhômliński đã từng mơ ước.

Kiến thức nền không chỉ quan trọng với việc dạy các môn học mà còn hết sức cần thiết để thực hiện các hoạt động GD, đặc biệt là qua các *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo* được thực hiện ở cả ba cấp học. Với các hình

2. Source: Irmeli Halinen / www.oph.fi

3. *Humanities and Social sciences for Australian Curriculum- 8 grade*- Cambridg, 2012.



thức đa dạng, phong phú, hoạt động trải nghiệm sáng tạo có điều kiện GD, vận dụng tổng hợp tất cả những gì đã học ở các môn học mà còn phải huy động nhiều tri thức, hiểu biết khác từ đời sống, những kinh nghiệm cá nhân cùng với phương pháp làm việc tập thể, phát huy sức mạnh và sáng kiến tập thể. Mỗi hoạt động là một đề tài tổng hợp, không còn bị giới hạn trong một môn học và cũng không chỉ mình phạm vi nhà trường. Người GV có nhiều hiểu biết về kiến thức nền càng phong phú đa dạng càng tốt. Chỉ có thế mới có thể tham gia hướng dẫn và tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS.

Tổ chức, hướng dẫn cho HS bậc trung học tham gia nghiên cứu, sáng tạo khoa học kĩ thuật cũng là một yêu cầu đòi hỏi GV phải có tri thức nền vững chắc. Mỗi đề tài trong hoạt động này thường là một dự án tổng hợp, phải huy động tri thức và kinh nghiệm từ nhiều lĩnh vực, môn học; không chỉ lí thuyết mà đề cao thực hành vận dụng, coi trọng tính ứng dụng vào đời sống, thiết thực và hiệu quả. Theo yêu cầu này, mô hình GD STEM⁴ mang lại nhiều hiệu quả. Bởi vì “GD STEM là một cách tiếp cận liên môn trong học tập, ở đó những khái niệm học thuật chính xác được kết hợp với bài học thực tiễn khi HS vận dụng khoa học, công nghệ, kĩ thuật và toán học trong một bối cảnh cụ thể, tạo nên sự kết nối giữa nhà trường, cộng đồng, việc làm và hoạt động kinh doanh toàn cầu cho phép sự phát triển những hiểu biết tối thiểu về STEM và cùng với nó là khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế mới.” (Tsupros, 2009)⁵. Cuộc thi sáng tạo khoa học, kĩ thuật quốc tế dành cho HS trung học do Intel tổ chức (Intel ISEF) thường niên tại Hoa Kỳ nhằm tôn vinh những kết quả dạy học theo hướng GD STEM.

Sự thay đổi môi trường đa văn hóa của lớp học (multicultural classroom environments) cũng là một trong những lí do đòi hỏi người GV phải vận dụng nhiều tri thức nền. Trong một lớp học có nhiều đối tượng HS khác nhau, không chỉ trình độ, chỉ số IQ, khả năng nhận thức mà còn tôn giáo, tín ngưỡng, dân tộc, vùng miền với những đặc điểm văn hóa khác nhau. Người GV phải có những hiểu biết cơ bản về sự đa dạng đó của lớp học cũng như cần nắm được những thay đổi về công nghệ thông tin truyền thông đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới môi trường lớp học như thế nào. Các nhà GD Hàn Quốc cho rằng: “GV phải tích hợp trong dạy học với những đối tượng HS có nhu cầu GD đặc biệt, tận dụng một cách hiệu quả công nghệ thông tin truyền thông (ICT) trong các hoạt động. Ví thể, CT đào tạo GV đơn điệu cần được thay bởi một CT đào tạo phong phú đa dạng nhằm giúp GV thành công khi đối mặt với các thách thức của cuộc sống”⁶. Từ nhận thức trên, trong việc đào tạo, bồi dưỡng GV môn học, các nhà trường sự phạm cần có cái nhìn

tổng quan, nhiều chiều.

a) Xây dựng nội dung CT đào tạo, bồi dưỡng của môn học cần chú ý xem xét mối quan hệ giữa các phân môn và các tri thức của các môn học khác cùng lĩnh vực giữa các cấp học.

b) Coi trọng tri thức các môn học bắt buộc chung (Khối kiến thức GD đại cương) trên cơ sở xem xét, rà soát, lựa chọn, làm rõ vai trò, tác dụng và mối quan hệ của các tri thức này đối với các học phần chuyên sâu, chuyên ngành (Khối kiến thức GD chuyên nghiệp); trước hết là các tri thức về GD học, tâm lí học, triết học, logic học, pháp luật đại cương, tin học, ngoại ngữ, lí luận chính trị, văn hóa đại cương...

c) Ý thức rõ vai trò và tầm quan trọng của các tri thức nền đối với tri thức chuyên sâu; nhận thấy mối quan hệ giữa hai loại tri thức này phải trở thành một yêu cầu thường xuyên đối với sinh viên trong việc học tập bộ môn và nhất là phải trở thành một yêu cầu, một tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

d) Tập trung nghiên cứu và xây dựng tài liệu về phương pháp dạy học tích hợp: cách dạy tích hợp trong môn học, cách dạy các chủ đề liên môn, đa môn và xuyên môn; tiến tới phương pháp dạy học cho môn học tích hợp. Dành thêm thời lượng cho việc thực hành tập giảng, kiến tập, thực tập để sinh viên học hỏi thêm nhiều tri thức và kĩ năng, kinh nghiệm ngoài sách vở.

đ) Tăng cường yêu cầu sinh viên tham gia các hoạt động xã hội, tìm hiểu thực tế, trải nghiệm trong cuộc sống, tích lũy kinh nghiệm cá nhân, thường xuyên giao lưu học hỏi, vận dụng tổng hợp nhiều tri thức để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

e) Thiết lập hệ thống mạng học tập tại gia (Ceber Home Learning System) nhằm tạo điều kiện cho tất cả GV ở mọi vùng miền có hoàn cảnh kinh tế xã hội khác nhau đều bình đẳng trong tiếp cận thông tin và tự trau dồi tri thức. Hệ thống này sẽ giúp cá nhân hóa việc học tập, khuyến khích và thỏa mãn vô tận cho các khám phá cũng như tiết kiệm thời gian học tập cho mỗi GV.

4. Kết luận

Tri thức nền được coi là phòng nền văn hóa, tạo cơ sở cho nhận thức và hành động; chi phối cách suy nghĩ, cách sống, cách ứng xử hàng ngày của mỗi con người. Không chú ý trang bị tri thức nền sẽ rất hạn chế trong việc tiếp cận và hoạt động ở những lĩnh vực chuyên ngành. Một sinh viên trường y có thể rất giỏi các tri thức chuyên sâu về y học nhưng chưa chắc đã là một bác sĩ giỏi. Không phải ngẫu nhiên mà có câu chuyện khi chấm thi tốt nghiệp cho một khóa sinh viên y khoa, ông giáo sư già đã đánh trượt hàng loạt sinh viên khi không trả lời được câu hỏi: người quét rác và dọn vệ sinh hàng ngày trên giảng đường cho các anh, chị tên là gì? Cái lí của ông là: một khi anh chưa quan tâm đến người đã hàng ngày phục vụ mình thì làm sao anh có thể trở thành bác sĩ, người cần biết quan tâm đến các bệnh nhân được.

Trong quan hệ với tri thức chuyên sâu, tri thức nền không chỉ bổ sung, làm giàu có thêm mà còn tạo điều

4. Tiếng Anh, viết tắt các chữ đầu: Science, Technology, Engineering and Mathematics.

5. Tsupros, 2009; *Defying a Simple Definition* - <http://www.nsta.org>

6. KICE (2013) - Education in Korea.

kiện để tri thức chuyên sâu sáng rõ hơn, sâu sắc hơn. Điều này cũng giống như người ta muốn đào một hố sâu trước hết phải mở rộng; càng muốn đào sâu, càng phải mở rộng miệng hố. Trong dạy học ở nhà trường, tri thức nền như một dàn nhạc, có nhiệm vụ tạo nền và tôn vinh, tô đậm thêm cho nhạc cụ chính hoặc giọng hát của ca sĩ được thực hiện bởi tri thức và kĩ năng chuyên sâu, chuyên ngành. Và ai cũng biết trong cuộc chơi ấy, nhạc đệm không được lấn át nhạc chủ, không được lấn át giọng hát của ca sĩ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nghị quyết Số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo.

[2]. Nghị quyết 88/2014/QH 13 về Đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

[3]. Quyết định 404/CP ngày 27 tháng 3 năm 2015 về Phê duyệt đề án Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

[4]. Chính phủ, (2015), Đề án Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam.

[5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2015), Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (phiên bản 05-2015).

[6]. Irmeli Halinen/www.oph.fi .

[7]. *Humanities and Social sciences for Australian Curriculum - 8 grade - Cambridg.,* 2012.

[8]. KICE, (2013), *Education in Korea.*

[9]. *The Seoul National University Curriculum,* (2014), Explan of Curriculum.

ROLE OF BACKGROUND KNOWLEDGE FOR NEW TEACHERS

Do Ngoc Thong

The Vietnam Institute of Educational Sciences

Email: thongdongoc@yahoo.com

Abstract: *The article mentions the role of background knowledge for new teachers. According to the writer, to get qualified and effective teaching, teachers should be well prepared with not only specialized knowledge but also background knowledge in each subject- these are considered the most common, basic and fundamental knowledge of human beings. Background knowledge is understood as general, basic and fundamental knowledge and understanding in all aspects that people need to exist, live and work. Background knowledge is considered the cultural background, provides basis for perception and action, effect to way of thinking, life style and daily behavior of every one. Without this knowledge background, teachers will be very limited in accessing and working in specialized field.*

Keywords: *Knowledge background; specialized knowledge; teacher.*